

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 75

### LUẬN VỀ THẬP MÔN (Phần 5)

Năm Thủ Uẩn, đó là Sắc thủ uẩn, Thọ thủ uẩn, Tưởng thủ uẩn, Hành thủ uẩn, Thức thủ uẩn.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì cần phải phân biệt nghĩa lý trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Có năm Thủ uẩn, đó là Sắc thủ uẩn cho đến Thức thủ uẩn. Trong kinh tuy nói ra như vậy, mà không biện giải rộng về nghĩa ấy, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều trong kinh không giải thích thì nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Sắc thủ uẩn là thế nào?

Đáp: Nếu sắc rò rỉ-có giữ lấy, sắc ấy ở quá khứ-vị lai-hiện tại, hoặc khởi lên đục-hoặc khởi lên tham, hoặc khởi lên sân-hoặc khởi lên si-hoặc khởi lên sợ hãi, hoặc lại tùy theo khởi lên một tâm sở tùy phiền não, thì gọi là Sắc thủ uẩn. Trong này, khởi lên đục-khởi lên tham đó là khởi lên kiết Ái, khởi lên sân đó là khởi lên kiết Nhuế, khởi lên si đó là khởi lên kiết Vô minh; khởi lên sợ hãi thì có người đưa ra cách nói này: Trong này không nên nói là hoặc khởi lên sợ hãi. Nguyên cố thế nào? Bởi vì sợ hãi tức là phiền não, nếu nói đến phiền não thì đã nói đến sợ hãi.

Hỏi: Nếu như vậy thì sợ hãi này lấy phiền não gì làm tự tánh?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: “Lấy Hữu thân kiến làm tự tánh. Nguyên cố thế nào? Bởi vì chấp có Ngã thì có nhiều sợ hãi, cho nên nếu nói Hữu thân kiến thì đã nói đến sợ hãi”. Có Sư khác nói: “Lấy ái làm tự tánh. Nguyên cố thế nào? Bởi vì nếu có Ái thì có nhiều sợ hãi”. Lại có người nói: “Lấy vô trí làm tự tánh. Nguyên cố thế nào? Bởi vì những người không có trí thì nhiều sợ hãi, nếu nói vô minh thì đã nói

đến sự hãi”.

**Lời bình:** Nên đưa ra cách nói này: Trong những sự dấy khởi này cần phải nói riêng về sợ hãi. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì có tâm sở riêng biệt cùng với tâm tương ứng là tự tánh của sợ hãi, thì tự tánh này đã thấu nhiếp sợ hãi. Lại có các pháp khác tương tự như vậy trong tâm sở pháp tương ứng với tâm chứ không phải là các phiền não.

Hỏi: Tự tánh sợ hãi này có nơi nào?

Đáp: Có ở cõi Dục không phải là hai cõi trên.

Hỏi: Nếu tự tánh sợ hãi trong cõi Sắc không có, thì làm sao giải thích thông suốt vấn đề trong kinh đã nói? Như trong kinh nói: “Tỳ kheo nên biết! Có chư Thiên sinh trước ở cõi Cực Quang Tịnh, thấy người sinh sau nhìn thấy ngọn lửa của kiếp hoại mà tâm sinh sợ hãi, bèn an ủi nói nói biết rằng: Đại Tiên đừng sợ! Tôi nhiều lần từng thấy ngọn lửa của kiếp hoại này, đốt cháy cung điện cõi trời không phạm, rồi ngay nơi ấy tắt đi”. Bài tụng đã nói, lại thông hiểu thế nào? Như nói:

“Nghe nói ở cõi trời Trường thọ, có sắc tuyệt vời và danh dự,

Lòng dạ rất chán ngán sợ hãi, như nai ở trước mặt sư tử”.

Đáp: Kinh và tụng đối với sự chán ngán dùng thanh Bồ (sợ hãi) mà nói.

Hỏi: Nếu như vậy thì chán ngán và sợ hãi có gì sai biệt? Đáp: Tên gọi chính là sai biệt, nghĩa là nơi kia gọi là chán ngán, nơi này gọi là sợ hãi. Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Sợ hãi chỉ có ở cõi Dục, chán ngán gồm chung ba cõi”. Lại đưa ra cách nói này: “Sợ hãi thuộc về phẩm phiền não, chán ngán thuộc về phẩm thiện căn”. Lại đưa ra cách nói này: “Sợ hãi gồm chung nhiễm ô và vô phú vô ký, chán ngán chỉ là thiện”.

Đại đức nói rằng: “Đối với sự suy tổn, tâm rất nghi ngờ lo lắng muốn được lìa xa, đó gọi là sợ hãi; đã được lìa xa thì tâm hết sức chán ghét, đó gọi là chán ngán. Như vậy gọi là sự sai biệt giữa chán ngán và sợ hãi”.

Hỏi: Dị sinh và Thánh giả thì ai có sợ hãi?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này. Dị sinh có sợ hãi, Thánh giả không có sợ hãi. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì Thánh giả đã lìa năm điều sợ hãi. Năm điều sợ hãi là:

1. Sợ không sống nổi.
2. Sợ tên gọi xấu.
3. Sợ chốn đông người.
4. Sợ mất mạng sống.
5. Sợ nẻo ác.

**Lời bình:** Nên đưa ra cách nói này: Dị sinh và Thánh giả đều có sợ hãi.

Hỏi: Thánh giả đã lia năm loại sợ hãi thì làm sao có sợ hãi?

Đáp: Thánh giả tuy không có năm loại sợ hãi lớn mà có những loại sợ hãi nhỏ bé trong chốc lát.

Hỏi: Những Thánh giả nào có sót lại nỗi sợ hãi nhỏ bé, là phần vị Hữu học hay là phần vị Vô học?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ ở phần vị Hữu học mới có sót lại nỗi sợ hãi nhỏ bé, bởi vì sợ hãi chỉ là phẩm phiền não.

**Lời bình:** Nên đưa ra cách nói này: Phần vị Học và Vô học đều có thể có sợ hãi. Học nghĩa là bậc Dự Lưu-Nhất lai và Bất hoàn, Vô học nghĩa là A-la-hán và Độc giác trừ ra Phật Thế Tôn, Đức Phật không có điều gì sợ hãi đến nỗi lông tóc dựng đứng, bởi vì đối với tất cả các pháp thông đạt có điều gì sợ hãi đến nỗi lông tóc dựng đứng, bởi vì đối với tất cả các pháp thông đạt đúng như thật mà được vô úy. Hoặc lại tùy theo dấy khởi một tâm sở tùy phiền não, nghĩa là duyên với sắc mà sinh ra các biến hành khác và những phiền não khác do Thủ uẩn mà đoạn.

Hỏi: Thọ thủ uẩn là thế nào?

Đáp: nếu thọ rò rỉ-có giữ lấy, Thọ ấy ở quá khứ-vị lai-hiện tại, hoặc khởi lên dục-hoặc khởi lên tham-hoặc khởi lên sân-hoặc khởi lên si-hoặc khởi lên sợ hãi, hoặc khởi lại tùy theo khởi lên một tâm sở tùy phiền não, thì gọi là Thọ thủ uẩn. Trong này giải thích rộng ra như trước. Nên biết có sai biệt, đó là trung hữu ong tùy theo khởi lên một tùy phiền não, duyên với Thọ này mà sinh ra các biến hành khác và Phi biến hành còn lại do kiến mà đoạn.

Như Thọ thủ uẩn, như vậy Tướng-hành và Thức thủ uẩn nói rộng ra nên biết, đó gọi là bốn tánh tướng phần-tự Thể ngã vật-tự tánh của Thủ uẩn.

Đã nói về tự tánh, nguyên cơ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Thủ Uẩn, Thủ uẩn nghĩa là gì?

Đáp: uẩn này từ Thủ sinh ra lại có thể sinh ra Thủ, cho nên gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, Uẩn này từ Thủ chuyển đổi lại có thể chuyển đổi Thủ, cho nên gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, Uẩn này do Thủ dẫn dắt lại có thể dẫn dắt Thủ, cho nên gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, Uẩn này do Thủ nuôi lớn lại có thể nuôi lớn Thủ, cho nên gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, Uẩn này do thủ mở rộng thêm lại có thể mở rộng thêm, cho nên gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, Uẩn này do thủ lưu chuyển lại có thể lưu chuyển, cho nên gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, Uẩn này thuộc về thủ cho nên gọi là Thủ uẩn, như

bề tôi phụ thuộc nhà vua cho nên gọi là vua tôi. Các hành hữu lậu đều không có Ngã, giả sử có người hỏi rằng: Ông thuộc về ai? Nên đích thực trả lời rằng: Tôi thuộc về Thủ.

Lại nữa, các thủ đối với Uẩn này nên sinh thì sinh, nên trú thì trú, nên chấp thì chấp, cho nên gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, các thủ đối với Uẩn này tăng trưởng rộng lớn, cho nên gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, các thủ đối với Uẩn này nuôi lớn tiếp nhận, cho nên gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, các thủ đối với Uẩn này nhiễm trước khó bỏ, giống như bụi bẩn dính vào áo quần, cho nên gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, các thủ đối với Uẩn này sinh ra say đắm hết sức, như cá-rùa... say đắm sông hồ, cho nên gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, Uẩn này là hang ổ-nhà cửa của các Thủ, cho nên gọi là Thủ uẩn. Nghĩa là dựa vào Uẩn này cho nên tham-sân-si-mạn-kiến-nghi-triển cấu đều được sinh trưởng.

Nên biết trong này dựa vào Đồng phần Thủ mà kiến lập tên gọi Thủ uẩn, nghĩa là dựa vào thủ của cõi Dục thì gọi là Thủ uẩn của cõi Dục, dựa vào thủ của cõi sắc thì gọi là Thủ uẩn của cõi sắc, dựa vào Thủ của cõi Vô Sắc thì gọi là Thủ uẩn của cõi vô Sắc. Như dựa vào Đồng phần Thủ của ba cõi mà kiến lập tên gọi Thủ uẩn, dựa vào thủ của chín địa nên biết cũng như vậy, bởi vì thủ này đối với cõi và địa không có tạo loạn. Nếu đối với sự tương tục thì có lẽ có tạp loạn, nghĩa là dựa vào bản thân giữ lấy uẩn khác thì gọi là Thủ uẩn, cũng dựa vào nơi khác giữ lấy uẩn của bản thân thì gọi là Thủ uẩn. Nếu đối với tương tục không có tạp loạn, thì tất cả vật bên ngoài sẽ không phải là Thủ uẩn, bởi vì trong vật bên ngoài không có các Thủ uẩn. như các vật bên ngoài dựa vào thủ của hữu tình mà kiến lập tên gọi Thủ uẩn, bởi vì sinh trưởng lẫn nhau.

Hỏi: Uẩn và Thủ uẩn có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi chính là sai biệt, nơi kia gọi là uẩn, nơi này gọi là Thủ uẩn. Lại nữa, Uẩn gồm chung hữu lậu và vô lậu, Thủ uẩn chỉ là hữu lậu. lại nữa, Uẩn thâm nhiếp ba Đế, Thủ uẩn thâm nhiếp hai Đế. Lại nữa, Uẩn thâm nhiếp mười bảy Giới và phần ít của một Giới, Thủ uẩn thâm nhiếp mười lăm Giới và phần ít của ba giới. Lại nữa, Uẩn thâm nhiếp mười một xứ và phần ít của một xứ, Thủ uẩn thâm nhiếp mười xứ và phần ít của hai xứ. Lại nữa, Uẩn thâm nhiếp năm uẩn, Thủ uẩn thâm nhiếp năm Uẩn đều là phần ít. Lại nữa, ở trong Uẩn có lưu chuyển thì bị quả trách, có hoàn diệt thì được khen ngợi; ở trong Thủ uẩn có lưu chuyển thì bị quả trách, không có hàn diệt thì được khen ngợi. Đó gọi là sai biệt giữa Uẩn và Thủ uẩn.

Sáu giới, đó là Địa giới, Thủy giới, Hỏa giới, Phong giới, Không giới và Thức giới.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Lý ý của người soạn luận muốn như vậy nghĩa là Luận sư của Bản luận này tùy theo ý muốn của mình mà soạn ra phần luận này, không trái với pháp tướng, cho nên không cần vặn hỏi. Lại nữa, không cần phải chất vấn Luận sư của Bản luận này. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Đức Thế Tôn thi thiết mười tám Giới rồi, lại từ trong này tóm lược đưa ra phần ít thi thiết sáu Giới, cho nên sáu giới này thâm nhiếp năm Giới toàn phần và bốn Giới phần ít trong mười tám Giới. Năm Giới toàn phần, đó là năm Thức giới trước; bốn Giới phần ít, đó là Sắc-Xúc-Ý và trước thức giới. Trong này, không giới thâm nhiếp phần ít của Sắc giới; Địa giới-Thủy giới-Hỏa giới và Phong giới thâm nhiếp phần ít của xúc giới; Thức giới thâm nhiếp Ý giới và Ý giới phần ít của Ý thức giới, bởi vì hai Giới này gồm chung hữu lậu và vô lậu, Thức giới chỉ thâm nhiếp hữu lậu. vì vậy, sáu giới này thâm nhiếp năm Giới toàn phần và bốn Giới phần ít trong mười tám Giới.

Hỏi: Gác lại Luận sư của Bản luận, vì sao Đức Thế Tôn trong mười tám Giới tóm lược đưa ra phần ít thi thiết sáu Giới?

Đáp: Quán xét chúng sinh được giáo hóa do thích nghi sai biệt, nghĩa là có chúng sinh được giáo hóa đối với cảnh đã biết chỉ ngu muội phần ít, hoặc có chúng sinh được giáo hóa đối với cảnh đã biết mà ngu muội đối với tất cả. Người ngu muội phần ít thì vì họ mà nói sáu Giới, người ngu muội tất cả thì vì họ mà nói mười tám Giới. Lại nữa, chúng sinh được Đức Thế Tôn giáo hóa có người lợi căn, có người độn căn; vì người lợi căn thì nói sáu Giới, vì người độn căn thì nói mười tám Giới. Lại nữa, chúng sinh được Đức Thế Tôn giáo hóa có người mở mang về trí, có người giải thích theo trí; vì người mở mang về trí thì nói sáu Giới, vì người giải thích theo trí thì nói mười tám Giới. Lại nữa, chúng sinh được Đức Thế Tôn giáo hóa có người thích tóm lược, có người thích mở rộng; vì người thích tóm lược thì nói sáu Giới, vì người thích mở rộng thì nói mười tám Giới. Lại nữa, đối với mười tám Giới vì tóm lược hiện bày về môn loại cho nên nói sáu Giới, nghĩa là trong mười tám Giới có loại là sắc, có loại không phải sắc; nếu nói về năm Giới trước thì nên biết đã nói đến các Giới là sắc, nếu nói về Thức giới thì nên biết đã nói đến các Giới không phải sắc. Lại nữa, trong mười tám Giới có loại có thấy, có loại không thấy, nếu nói đến không giới thì nên biết đã nói về các loại có thấy, nếu nói đến năm Giới còn lại thì nên biết đã nói đến

các loại không thấy. Lại nữa, trong mười tám Giới có loại có đối, có loại không đối; nếu nói đến năm Giới trước thì nên biết đã nói về các loại có đối, nếu nói đến Thức giới thì nên biết đã nói về các loại không đối. Lại nữa, trong mười tám Giới có loại tương ứng thì nên không tương ứng; nếu nói đến Thức giới thì nên biết đã nói về các loại tương ứng, nếu nói đến năm Giới còn lại thì nên biết đã nói về các loại không tương ứng. Như tương ứng và không tương ứng, như vậy có sở y và không có sở y, có sở duyên-không có sở duyên, có hành tướng-không có hành tướng, có cảnh giác-không có cảnh giác, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, bởi vì, sáu Giới này có thể sinh-có thể nuôi-có thể tăng trưởng thân sắc-thân vô Sắc của hữu tình, cho nên thi thiết lại. Có thể sinh, đó là Thức giới; có thể nuôi, đó là Địa-Thủy-Hỏa-Phong giới; có thể tăng trưởng, đó là không giới. Lại nữa, bởi vì sáu Giới này có thể dẫn dắt-có thể duy trì-có thể tăng thêm thân sắc-thân vô Sắc của hữu tình, cho nên thi thiết lại. Có thể dẫn dắt, đó là Thức giới; có thể duy trì, đó là Địa-Thủy-Hỏa-Phong giới, có thể tăng thêm, đó là không giới. Lại nữa, bởi vì sáu Giới này là sự căn bản của hữu tình, là sự biến hành của hữu tình, là sự vô thí của hữu tình, là sự không có phân biệt và có phân biệt của hữu tình, cho nên thi thiết lại. Sự căn bản của hữu tình, nghĩa là hữu tình thọ sinh ở cõi Dục-sắc, từ kiết sinh tâm cho đến Tử hữu, không có lúc nào không có thể dụng của sáu Giới này. Sự biến hành của hữu tình, nghĩa là tất cả hữu tình cõi Dục-Sắc, từ kiết sinh tâm cho đến Tử hữu, không có lúc nào không tăng thượng về sáu Giới này. Sự vô thí của hữu tình, nghĩa là không thể biết được các loại hữu tình từ lúc ban đầu đến nay, từ kiết sinh tâm cho đến Tử hữu, không có lúc nào không là tác dụng của sáu Giới này. Sự không có phân biệt và có phân biệt của hữu tình, nghĩa là có hữu tình chưa có thể phân biệt là nam hay là nữ, như phần vị Yết-la-lam, Át-bộ-đàm, Bế-thi, Kiện-nam, như vậy sáu giới cũng có thể dụng; hoặc có hữu tình đã có thể phân biệt là nam hay là nữ, như phần vị Bát-la-xa-khư..., như vậy sau Giới cũng có thể dụng.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Nhờ sáu Giới này có được thể dụng tăng thượng mà tiến vào thai mẹ, cho nên thi thiết lại. Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên Phật Thế Tôn từ mười tám Giới tóm lược đưa ra phần ít mà thi thiết sáu Giới sai biệt như vậy”.

Hỏi: Địa giới thế nào?

Đáp: Tánh cứng, tuy Địa giới này toàn bộ là tánh cứng, mà tánh cứng này sai biệt không giới hạn, nghĩa là tánh cứng của phần trong

-ngoài đều khác. Ánh cứng trong phần bên trong, đó là tóc-lông-móng-răng-bụi bầm-da thịt-gân-xương-tim-mạch-lá lách-thận-gan-phổi-dạ dày-ruột-phân, sinh tạng-thục tạng-tay chân... Trong các loại như vậy vốn có tánh cứng. Các tánh cứng này có hơn-có kém, nghĩa là tánh cứng của chân hơn hẳn tánh cứng của tay. Nếu các hữu tình đi bằng tay trong thời gian ngắn thì máu thịt da tay sẽ hư hoại hết, nếu đi bằng chân thì hết chúng đồng phần mà máu thịt da chân cũng không tổn hoại gì. Vì vậy cho nên biết tánh cứng của phần trong có hơn-có kém. Tánh cứng rong phần bên ngoài, đó là đất-núi-đá sỏi-gạch A-tỳ-đạt-mạch ngôi-cổ cây, trai sò-ốc hến-đồng thiếc-vàng bạc-chì kẽm, ma ni-trân châu-san hô-hổ phách, Đế thanh-Đại thanh, lưu ly-pha lê... vốn có tánh cứng. Các loại thâu nhiếp pháp cứng của phần trung hữu trong-phần Đại thanh, lưu ly-pha lê... vốn có tánh cứng. Các loại tánh cứng của phần trong-phần ngoài này, bởi vì giống nhau cho nên tóm lược làm thành một tụ gọi chung là Địa giới.

Hỏi: Thủy giới thế nào?

Đáp: Tánh ướt, tuy Thủy giới này toàn bộ là tánh ướt, mà tánh ướt này sai biệt không giới hạn, nghĩa là tánh ướt của phần trong-ngoài đều khác Tánh ướt trong phần bên trong, đó là nước mắt-nước mũi-nước miếng-đàm dãi-máu mủ-tủy não... vốn có tánh ướt. Tánh ướt trong phần bên ngoài, đó là sông suối-ao hồ-kênh rạch-giếng hào-biển rộng... vốn có tánh ướt. Các loại tánh ướt của phần trong-phần ngoài này, bởi vì giống nhau cho nên tóm lược làm thành một tụ gọi chung là Thủy giới.

Hỏi: Hỏa giới thế nào?

Đáp: Tánh nóng, tuy Hỏa giới này toàn bộ là tánh nóng, mà tánh nóng này sai biệt không giới hạn, nghĩa là tánh nóng của phần trong-ngoài đều khác. Tánh nóng trong phần bên trong, đó là hơi nóng-hơi nóng như nhau-hơi nóng khắp nơi trong thân. Vì vậy mà đã uống-đã ăn-đã nuốt, đều dễ dàng tiêu hóa chuyển thành hơi nóng khiến cho thân được yên ổn, hơi nóng này nếu lúc tăng lên thì trở hành bệnh sốt cao. Tánh nóng trong phần bên ngoài, đó là ngọn lửa của đèn đuốc-bếp lò..., ngọn lửa đốt cháy các thành ấp-thôn xóm-núi rừng-đồng rộng, và ngọn lửa phát ra từ các loại cỏ thuộc-mặt trời-cung điện của trời rồng, cùng với tánh nóng của các ngọn lửa chốn địa ngục... nên đưa ra cách nói này: tánh nóng của lửa bên trong nóng hơn lửa bên ngoài. Nguyên cố thế nào? Bởi vì nếu lấy đồ ăn thức uống bỏ vào trong nồi chảo, bên dưới đốt lửa rừng trải qua một ngày đêm, hãy còn không có thể khiến cho hình sắc biến đổi, như ở trong bụng trải qua trong chốc lát. Các loại



tánh nóng của phần trong-phần ngoài này, bởi vì giống như nhau cho nên tóm lược làm thành một tụ gọi chung là Hỏa giới.

Hỏi: Phong giới thế nào?

Đáp: Tánh động và nhẹ, tuy Phong giới này toàn bộ là tánh động, mà tánh động này sai biệt không giới hạn, nghĩa là tánh động của phần trong-ngoài đều khác. Tánh động trong phần bên trong, đó là có gió đi lên, có gió đi xuống, có gió ở sườn, có gió ở bụng, có gió ở lưng, có gió như đồng, có gió như dao, có gió tất-bát-la, có gió Bà-đán-sắt-sỉ-la, có gió Bà-đán-sắt-sỉ-la, có gió Bà-đán-lâu-la-ma, có gió hơi thở vào, có gió hơi thở ra, có gió di chuyển tùy theo thân thể và tay chân, tất cả đều là tánh động. Tánh động của phần bên ngoài, đó là tất cả tánh động như có gió bốn phía, hoặc gió có bụi, hoặc gió không có bụi, hoặc gió Tỳ-thấp-phước, hoặc gió Phệ-lam-bà, hoặc gió nhẹ, hoặc gió lớn, hoặc gió của tầng phong luân... Các loại tánh động của phần trong-phần ngoài này, bởi vì giống nhau cho nên tóm lược làm thành một tụ gọi chung là Phong giới.

Hỏi: Không giới thế nào?

Đáp: Như trong kinh nói: “Có khoảng trống của hốc mắt, có khoảng trống của lỗ tai, có khoảng trống của lỗ mũi, có khoảng trống của khuôn mặt, có khoảng trống của cổ họng, có khoảng trống giữa tim, có khoảng trống gần bên tim, có khoảng trống nơi thông ăn uống, có khoảng trống nơi tích chứa ăn uống, có khoảng trống nơi vất bỏ ăn uống, có khoảng trống của các bộ phận thân thể..., đó gọi là không giới”. Trong A-tỳ-đạt-ma đưa ra cách nói như vậy: Thế nào là không giới? Đó là sắc ngăn trở gần bên cạnh, ngăn trở nghĩa là tích tụ, tức là có sắc như tường vách..., gần nơi này gọi là sắc ngăn trở gần bên cạnh. Như khoảng trống giữa tường vách, khoảng trống giữa rừng rậm, khoảng trống giữa cây lá, khoảng trống giữa cửa sổ, khoảng trống nơi qua lại, khoảng trống giữa các ngón tay..., đó gọi là không giới. Có người đưa ra cách nói này: “Văn này nên nói: Thế nào là không giới? Đó là sắc gần bên cạnh khó loại trừ”. Nhưng sắc có hai loại:

1. Dễ loại trừ đó là trì hữu tình.

2. Khó loại trừ đó là trí vô tình. Sắc của không giới này phần nhiều gần với phi tình-tường vách-cây cối..., mà thi thiết cho nên gọi là sắc gần bên cạnh khó loại trừ. Phái Đối Pháp trước đây và Sư ở nước này, đều nói không giới khắp nơi đều có, đó là xương thịt-gân mạch-da máu-thân thể, ngày đêm-sáng tối-hình ảnh biểu hiện, mọi nơi đều có sắc này.

Hỏi: Duyên vào sắc của không giới, nhãn thức có sinh khởi hay không?

Đáp: Có người nói: Duyên vào sắc này nhãn thức không sinh khởi, nghĩa là sắc của không giới tuy là cảnh của nhãn thức mà nhãn thức này hoàn toàn không sinh khởi. Lại có người nói: Duyên vào sắc của không giới, nhãn thức cũng sinh khởi.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao thấy không rõ ràng?

Đáp: Sắc của không giới này ban ngày bị ánh sáng che phủ, ban đêm bị bóng tối che phủ, cho nên nhãn tuy thấy mà không rõ ràng.

Hỏi: Hư không và không giới có gì sai biệt?

Đáp: Hư không là phi sắc, không giới là sắc; hư không thì không thấy, không giới thì có thấy; hư không thì không đối, không giới thì có đối; hư không là vô lậu, không giới là hữu lậu; hư không là vô vi, không giới là hữu vi.

Hỏi: Nếu hư không này là vô vi, thì trong kinh đã nói nên thông hiểu thế nào? Như trong Kinh nói: “Đức Thế Tôn đưa tay vượt nhẹ giữa hư không mà bảo với chúng Tỳ kheo”. Lẽ nào Đức Phật đưa tay vượt nhẹ vô vi mà bảo với đệ tử hay sao?

Đáp: Đó là đối với không giới mà nói thanh Hư không, không phải là nói hư không mà tay có thể vượt nhẹ. Trong kinh khác cũng nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Nếu có người họa sĩ hoặc là học trò của người ấy mang các màu sắc đến nói như vậy. Tôi có thể vẽ tranh giữa hư không, làm ra các loại hình tượng cảnh vật. Có điều này hay không? Tỳ kheo thưa với Đức Phật: Không có điều này”. Kinh ấy cũng đối với không giới mà nói thanh Hư không. Lại có tụng nói:

“Thú quay về rừng núi, chim quay về hư không,

Thánh quay về Niết-bàn, pháp quay về phân biệt”.

Tụng ấy cũng đối với không giới mà nói thanh Hư không. Lại có tụng nói:

“Hư không chẳng có dấu của chim, ngoại đạo không hề có Sa-môn.

Người ngu dốt ưa thích không giới mà nói thanh Hư không. Có kinh khác nói: “Chim đi qua giữa hư không, dấu tích khó có thể hiện ra, cũng không thể tìm được”. Kinh ấy cũng đối với Không giới mà nói thanh Hư không. Có nơi hỏi hư không mà trả lời bằng không giới, như luận Phẩm Loại Túc nói như vậy: “Thế nào là hư không? Đó là có hư không mà sắc không có gì chướng ngại, hành ở trong ấy tăng trưởng rộng khắp”.

Hỏi: Vì sao hỏi hư không mà trả lời theo không giới?

Đáp: Hư không vi tế khó có thể nói rõ ràng được, tướng của không giới thô thiển dễ dàng đưa ra rõ ràng được, dùng thô để biểu hiện tế cho nên nói như vậy.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà biết là có hư không?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Bởi vì Đức Phật nói cho nên biết là có hư không. Nghĩa là trong kinh, khắp nơi Đức Phật đều nói đến hư không và hư không, cho nên biết là thật có.

Hỏi: Vì chỉ tin theo giáo thuyết mà biết là có hư không, hay vì hư không này cũng là hiện tượng mà đạt được?

Đáp: Cũng là hiện lượng mà đạt được. Nếu không có hư không thì tất cả vật có hình sắc sẽ không có chỗ chứa, đã có chỗ chứa được các vật có thì biết là có hư không. Lại đưa ra cách nói này: Bởi vì có chỗ qua lại tụ tập, cho nên biết là có hư không. Nếu không có nhân của nó thì nó cũng không có. Nói nhân của nó tức là hư không, bởi vì hư không là nhân tiếp nhận nó. Lại đưa ra cách nói này: Chứa được vật có ngăn ngại, cho nên biết là có hư không. Nếu không có hư không thì sẽ không có chỗ chứa đựng. Lại đưa ra cách nói này: Nếu không có hư không thì lẽ ra tất cả mọi nơi đều có chướng ngại. Đã hiện thấy có chỗ không có chướng ngại, cho nên biết hư không quyết định thật có, bởi vì không có tướng chướng ngại chính là hư không.

Đại Đức nói rằng: Hư không chẳng thể nào biết, vì không phải là điều đã biết. Điều đã biết là sắc chứ không phải là tánh của sắc, hư không và sắc ấy đều không tương ứng. Điều đã biết ấy nghĩa là tánh này-tánh kia, hư không và tánh ấy đều không tương ứng. Tên gọi hư không này, chỉ là thế gian phân biệt mà tạm thời kiến lập.

**Lời bình:** Nên đưa ra cách nói này: Thật có hư không chứ không phải là không biết về nó thì cho rằng không phải là có, bởi vì giáo lý trước thật có hư không.

Hỏi: Nếu như vậy thì hư không nào có tác dụng gì?

Đáp: Hư không vô vi không có tác dụng. Nhưng hư không này có thể làm tăng thượng duyên gần cho các loại không giới, các loại không giới kia có thể làm tăng thượng duyên gần cho các loại đại chúng, các loại đại chúng kia có thể làm tăng thượng duyên gần cho hữu đối tạo sắc..., hữu đối tạo sắc kia có thể làm tăng thượng duyên gần cho tâm-tâm sở pháp. Nếu không có hư không, thì thứ tự nhân quả lần lượt chuyển đổi như vậy đều không thành lập. Đừng có sai lầm này, vì vậy Thế tướng của hư không là thật có, không nên bác bỏ là không có.

Hỏi: Thức giới thế nào?

Đáp: Năm Thức thân và ý thức hữu lậu.

Hỏi: Vì sao Thức vô lậu không thiết lập Thức giới?

Đáp: Bởi vì không tương ứng với tướng của Thức giới. Nếu pháp có thể nuôi lớn các Hữu, thâm nhiếp thêm nhiều các Hữu, duy trì các Hữu, thì thiết lập trong sáu Giới; Ý thức vô lậu có thể giảm bớt các Hữu, hủy hoại các Hữu, tiêu diệt các Hữu, vì vậy không thiết lập ở trong sáu giới. Lại nữa, nếu pháp có thể khiến cho các Hữu nối tiếp nhau, sinh lão bệnh tử lưu chuyển không dứt, thì thiết lập trong sáu Giới; Ý thức vô lậu cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên không thiết lập ở trong sáu Giới. Lại nữa, nếu pháp là hành Tập hướng về khổ, cũng là hành tập hướng về sinh lão bệnh tử-quả báo của thế gian, thì thiết lập trong sáu Giới; Ý thức vô lậu trái ngược với tướng này, cho nên không thiết lập ở trong sáu giới. Lại nữa, nếu pháp là sự của Hữu thân kiến, sự của điên đảo, sự của Ái, sự của tùy miên làm nơi dừng chân cho tham sân si, có bản-có độc-có uế tạp-có gai góc, có lỗi làm-có hỗn trước rơi vào các Hữu thâm nhiếp khổ-Tập đế, thì thiết lập trong sáu Giới; Ý thức vô lậu trái ngược với tướng này, cho nên không thiết lập ở trong sáu giới.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra câu hỏi này: “Trong sáu Giới này tại sao không thâm nhiếp Ý thức vô lậu? Liền tự mình trả lời rằng: Sáu Giới như vậy từ các lậu sinh ra, Ý thức vô lậu không từ lậu sinh ra. Lại nói như vậy: Sáu Giới như vậy có thể sinh ra các lậu, ý thức vô lậu không sinh ra các lậu. lại nói như vậy: Sáu Giới như vậy là duyên vào Ngã chấp, Ý thức vô lậu không phải là duyên vào ngã chấp. Lại nói như vậy: Sáu Giới như vậy là dựa vào hữu tình, Ý thức vô lậu không phải là dựa vào hữu tình. Lại nói như vậy. Sáu Giới như vậy là dựa vào dị thực, Ý thức vô lậu không phải là dựa vào dị thực. Lại nói như vậy: Sáu Giới như vậy là duyên tiến vào thai, Ý thức vô lậu không phải là duyên tiến vào thai. Lại nói như vậy: Sáu giới như vậy có từ vô thủy đến nay, Ý thức vô lậu không phải là có từ vô thủy”.

Đại đức nói rằng: “Sáu Giới như vậy là tự Thế phần, Ý thức vô lậu không phải là tự Thế phần”. Hiếp Tôn giả nói: “Sáu giới như vậy là dựa vào sinh tử, Ý thức vô lậu không phải là dựa vào sinh tử”. Bởi vì các loại nhân duyên như vậy mà ý thức vô lậu không thiết lập Thức giới.

Hỏi: Uẩn-Thủ uẩn và Giới có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó là bởi vì tên gọi là uẩn, tên gọi là Thủ uẩn, tên gọi là Giới. Lại nữa, đối với pháp hữu vi thì thiết lập là Uẩn, đối với pháp hữu lậu thì thiết lập là Thủ uẩn, đối với pháp thuộc trí hữu tình

thi thiết là Giới. Lại nữa, Uẩn có tác dụng lưu chuyển và hoàn diệt, Thủ uẩn chỉ có tác dụng lưu chuyển, Giới có tác dụng kiết sinh tiến vào thai. Như vậy gọi là sự sai biệt giữa ba loại uẩn-thủ uẩn và Giới.

Có hai pháp, đó là pháp có sắc-pháp không có sắc.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn ngăn chặn và loại trừ Bồ-đặc-già-la, và vì biểu hiện rõ ràng về trí thù thắng. Vì muốn ngăn chặn và loại trừ Bồ-đặc-già-la, nghĩa là biểu hiện chỉ có pháp có sắc-pháp không có sắc, suy cho cùng là không có Bồ-đặc-già-la thật sự. Và vì biểu hiện rõ ràng về trí thù thắng, nghĩa là có trí thù thắng thông tuệ, do hai pháp này mà thông đạt tất cả, bởi vì hai pháp này thâm nhiếp toàn bộ tất cả các pháp. Vì hai duyên này cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Pháp có sắc thế nào?

Đáp: Đó là mười xứ và phần ít một Xứ. Mười Xứ đó là nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân-sắc-thanh-hương-vị-xúc xứ; phần ít một xứ, đó là phần ít Pháp xứ.

Hỏi: Pháp không có sắc thế nào?

Đáp: Đó là một Xứ và phần ít một Xứ. Một xứ, đó là ý xứ; phần ít một xứ, đó là phần ít Pháp xứ.

Hỏi: trong này, những gì gọi là pháp có sắc-pháp không có sắc?

Đáp: Nếu pháp có tên gọi là sắc-Thể là sắc thì gọi là pháp có sắc, nếu pháp có tên gọi là phi sắc-Thể là phi sắc thì gọi là pháp không có sắc. Hoặc có pháp tuy có tên gọi là sắc mà thể là phi sắc, như trong kinh nói: “Tịch tĩnh giải thoát vượt qua pháp có sắc, đến pháp không có sắc”. Nên biết trong này pháp có sắc ấy tức là Định có sắc. Lại trong kinh nói: “Thân chứng được Định sắc đầy đủ mà an trú”. Lại như có người nói: “Nay tôi đang thiền định với sắc thọ như vậy”. Lại như Đức Phật nói: “Ta đem câu kinh điểm về sắc như vậy trao cho các ông, các ông nên thọ trì đúng đắn”. Những nơi như vậy tuy có tên gọi là sắc mà Thể là Phi sắc. Nếu có tên gọi là sắc-Thể là sắc thì gọi là pháp có sắc; hoặc Thể là sắc có dụng của sắc, hoặc dụng của sắc-Thể là sắc thì gọi là pháp có sắc; hoặc Thể là sắc có dụng của sắc, hoặc dụng của sắc có Thể là sắc, hoặc Thể và tướng có lẫn nhau cho nên thiết lập tên gọi là có sắc.

Lại nữa, nếu Thể của pháp là bốn đại chủng, hoặc là bốn đại chủng đã tạo ra thì gọi là pháp có sắc; nếu Thể của pháp không phải là bốn đại chủng, hoặc không phải là bốn đại chủng đã tạo ra thì gọi là pháp không có sắc. Lại nữa, nếu pháp là đại chủng làm nhân và Thể là

sắc đã tạo ra thì gọi là pháp có sắc; nếu pháp không phải là đại chủng làm nhân và Thể không phải là sắc đã tạo ra thì gọi là pháp không có sắc. Lại nữa, nếu pháp có thể gieo trồng-có thể tăng trưởng thì gọi là pháp có sắc; nếu pháp không có thể gieo trồng và không có thể tăng trưởng thì gọi là pháp không có sắc.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Có tướng của sắc thì gọi là pháp có sắc. Những gì gọi là tướng có sắc? Đó là có tướng dần dần tích tập thì gọi là tướng có sắc. Lại nói như vậy: Nếu có tướng dần dần tan hoại thì gọi là tướng có sắc. Lại nói như vậy: Nếu có hình chất có thể chọn lấy tướng thì gọi là tướng có sắc. Lại nói như vậy: Nếu có phương hướng nơi chốn có thể chọn lấy tướng thì gọi là tướng có sắc. Lại nói như vậy: Nếu có nơi chốn lớn nhỏ mà chọn lấy tướng thì gọi là tướng có sắc. Lại nói như vậy: Nếu có chướng ngại có thể chọn lấy tướng thì gọi là tướng có sắc. Lại nói như vậy. Nếu có oán hại có thể chọn lấy tướng thì gọi là tướng có sắc. Lại nói như vậy: Nếu có tổn hại có thể chọn lấy tướng thì gọi là tướng có sắc. Lại nói như vậy: nếu tăng thêm có thể chọn lấy tướng thì gọi là tướng có sắc”.

Lại nữa, nếu có tướng của ba loại sắc thì có thể được gọi là tướng có sắc, nghĩa là hoặc có sắc-có thấy-có đối, hoặc lại có sắc-không thấy-có đối, hoặc lại có sắc-không thấy-không đối. Lại nói như vậy: nếu có tướng dẫn đến kếp đi thì gọi là tướng có sắc. Lại nói như vậy: Có tướng thay đổi ngăn ngại thì gọi là tướng có sắc.

Hỏi: Nếu có tướng thay đổi ngăn ngại gọi là tướng có sắc, thì cực vi của quá khứ-vị lai không có biểu hiện, đã không có thay đổi ngăn ngại thì đúng ra không có tướng của sắc, nếu không có tướng của sắc thì Thể đúng ra không phải là sắc?

Đáp: Đó cũng là sắc bởi vì có được tướng của sắc, nghĩa là sắc quá khứ tuy bây giờ không có thay đổi ngăn ngại mà đã từng có thay đổi ngăn ngại, sắc vị lai tuy bây giờ không có thay đổi ngăn ngại mà sẽ có thay đổi ngăn ngại, mỗi một cực vi tuy không có thay đổi ngăn ngại mà tích tập nhiều thì đã có thay đổi ngăn ngại, tự thể không có biểu hiện tuy không có thay đổi ngăn ngại mà sở y của nó có thay đổi ngăn ngại cho nên cũng gọi là thay đổi ngăn ngại. Sở y là gì? Đó là bốn đại chủng, ở y có thay đổi ngăn ngại cho nên không có biểu hiện cũng có thể nói là có thay đổi ngăn ngại, như lúc cây lay động thì bóng cây cũng lay động theo.

Lại nói như vậy: Nếu có tướng dung nạp chướng ngại thì gọi là tướng có sắc. Lại nói như vậy: Nếu có tướng đại chủng là nhân thì gọi

là tướng có sắc. Lại nói như vậy: Không có tất cả các sắc cùng chung tướng của một sắc. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì tướng sắc của nhãn xứ khác biệt, cho đến tướng sắc do Pháp xứ thâm nhiếp khác biệt.

Đại đức nói rằng: “Nếu pháp có năng lực hủy hoại tướng sắc có đối là tướng có sắc, cùng với tướng sắc đã nói trước đây trái ngược nhau thì gọi là tướng không có sắc. Nếu pháp có tướng không có sắc này thì gọi là pháp không có sắc.

Hỏi: Rơi vào sắc của Pháp xứ, sao không thâm nhiếp ở trong mười Sắc xứ?

Đáp: Nếu sắc có thể dùng cực vi sát-na mà phân tích thì thiết lập mười sắc xứ; rơi vào sắc của Pháp xứ tuy có nghĩa của sát-na có thể phân tích, mà không có nghĩa của cực vi có thể phân tích, cho nên không thâm nhiếp ở trong mười Sắc xứ. Lại nữa, nếu sắc có thể làm sở y và sở duyên cho năm thức thì thiết lập mười Sắc xứ; rơi vào sắc của Pháp xứ không làm sở y và sở duyên cho năm Thức, cho nên không thâm nhiếp ở trong mười Sắc xứ. Lại nữa, nếu sắc có chướng ngại thì có thể thiết lập mười Sắc xứ; rơi vào Sắc của pháp xứ đã không có chướng ngại, cho nên không thâm nhiếp ở trong mười Sắc xứ.

Hỏi: Sắc của cõi Dục nhiều hay là sắc của cõi sắc nhiều?

Đáp: Nếu dựa vào Xứ mà nói thì sắc của cõi Dục nhiều-sắc của cõi Sắc ít. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì sắc của cõi Dục thâm nhiếp hai xứ toàn phần và phần ít của chín xứ, sắc của cõi sắc chỉ thâm nhiếp phần ít của chín Xứ. Nếu dựa vào Thể mà nói thì sắc của cõi Sắc nhiều-sắc của cõi Dục ít. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì thân xứ của cõi sắc đều rộng lớn, nghĩa là thân hình của cõi sắc có lượng rộng lớn vượt quá cõi Dục, xứ sở của cõi Sắc cũng lại như vậy.

Luận Thi Thiết nói: “Như từ xứ này đến cõi trời Phạm chúng, từ cõi trời Phạm chúng đến cõi trời Phạm Phụ, lượng ấy cũng như vậy. Nói rộng ra cho đến, như từ nơi này đến cõi trời Thiện kiến, từ cõi trời Thiện Kiến đến cõi trời sắc cứu cánh, lượng ấy cũng như vậy”.

Vì vậy, sắc của cõi Sắc nhiều hơn cõi Dục.

Lại có hai pháp, đó là pháp có thấy-pháp không thấy.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn ngăn chặn-loại bỏ Bồ-đặc-già-la, và vì biểu hiện rõ ràng về trí thù thắng. Vì muốn ngăn chặn-loại bỏ Bồ-đặc-già-la, đó là hiển bày chỉ có pháp có thấy-pháp không thấy chứ hoàn toàn không có Bồ-đặc-già-la thật sự. Và vì biểu hiện rõ ràng về trí thù thắng, nghĩa là có trí thù thắng thông tuệ, do hai pháp này thông đạt tất cả, bởi vì hai

pháp này thâm nhiếp toàn bộ tất cả các pháp này mà thông đạt tất cả, bởi vì hai pháp này thâm nhiếp toàn bộ tất cả các pháp. Lại nữa, vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh lý, nghĩa là hoặc có người chấp tất cả các pháp đều là pháp có thấy. Như Tôn giả Diêu Âm đưa ra cách nói này. Tất cả các pháp đều là cảnh có thấy của tuệ nhãn. Vì ngăn chặc ý đó để hiển bày tất cả các pháp, hoặc là có thấy-hoặc là không thấy. Vì ba duyên này cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Pháp có thấy thế nào?

Đáp: Một xứ, đó là Sắc xứ.

Hỏi: Pháp không thấy thế nào?

Đáp: Người một xứ, đó là mười một Xứ còn lại.

Hỏi: Có thấy-không thấy là nghĩa thế nào?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Chủ động hiện rõ-thụ động hiện rõ và có thể chỉ ra rõ ràng ở nơi này-ở nơi kia, là nghĩa của có thấy; trái ngược với tướng này, là nghĩa của không thấy”. Đại Đức nói rằng: “Là sự chiếu rọi của nhãn, là sự hoạt động của nhãn, là cảnh giới của nhãn, là nghĩa của có thấy; trái ngược với tướng này, là nghĩa của không thấy”. Hiếp Tôn giả nói: “Nếu có hình ảnh rõ ràng có thể thấy, là nghĩa của có thấy; trái ngược với tướng này, là nghĩa của không thấy”.

Hỏi: Vì sao trong mười một xứ có sắc chỉ một Sắc xứ nói đến tên gọi có thấy?

Đáp: Chỉ một Sắc xứ hiển bày thô thiển dễ biết, nói rộng ra như trước. Trong mười một sắc chỉ một Sắc xứ thiết lập tên gọi Sắc xứ. Pháp có thấy này có hai mươi loại, đó là dài-ngắn-tròn-thẳng-cong-cao-thấp, xanh-vàng-trắng-hình ảnh-cảnh vật-sáng-tối, mây-khói-bụi-sương. Lại có người nói: Pháp này có hai mươi một loại, đó là hai mươi loại trước thêm vào không nhất hiển sắc.

Hỏi: trong hai mươi sắc này, mấy loại có hiển bày-không có hình chất, mấy loại có hiển bày-có hình chất?

Đáp: Trong hai mươi sắc thì tám loại có hiển bày-không có hình chất, đó là xanh-vàng-đỏ-trắng-hình ảnh-cảnh vật-sáng-tối, mười hai sắc còn lại thì có hiển bày-có hình chất.

Có người nói trong này nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có sắc có hiển bày mà không có hình chất, đó là xanh-vàng-đỏ-trắng-hình ảnh-cảnh vật-sáng-tối, bởi vì tám loại sắc này có hiển bày có thể biết-không có hình chất có thể biết.

2. Hoặc có sắc có hình chất mà không có hiển bày, đó là thân biểu



sắc, bởi vì loại này có hình chất có thể biết-không có hiển bày có thể biết.

3. Hoặc có sắc có hiển bày cũng có hình chất, đó là dài-ngắn-vuông-tròn-thẳng-cong-cao-thấp-mây-khói-bụi-sương, bởi vì mười hai loại này có hiển bày-có hình chất mà có thể biết.

4. Hoặc có sắc không có hiển bày cũng không có hình chất, đó là trừ ra những tướng trước, tức là sắc của không giới.

Hỏi: Tất cả ảnh tượng trong nước-gương... là thật có hay là không phải thật có?

Đáp: Phái thí dụ nói điều này ở trên mặt, làm sao trong gương có hình ảnh khuôn mặt sinh ra? Các luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: Điều này là thật có, bởi vì nhãn này đã thấy, nhãn thức đã duyên, do Sắc xứ thâm nhiếp.

Hỏi: Mặt không soi vào gương-gương không ở trên mặt, làm sao thật có?

Đáp: Nhân duyên sinh ra sắc có nhiều loại lý lẽ chứ không phải là một loại lý lẽ, cho nên điều đó không phải là khó hiểu.

Như duyên theo ánh trăng sáng ngời thì đồ dùng bằng châu ngọc thích ánh trăng nhất định có nước sinh ra không phải là không thật có, do ngọc châu mà sinh ra nước bởi vì có tác dụng của nước. Như duyên theo ánh mặt trời và ngọc châu thích mặt trời-phân trâu vụn..., mà có lửa sinh ra không phải là không thật có, do ngọc châu mà sinh ra lửa bởi vì có tác dụng của lửa. Như duyên theo cái dùi lấy lửa và công sức của người kéo dùi, mà có lửa sinh ra không phải là không thật có, cái dùi lấy lửa đã sinh ra lửa bởi vì có tác dụng của lửa. Như vậy duyên theo nước và gương... cùng với khuôn mặt con người... mà có hình ảnh sinh ra, không phải là không thật có, hình ảnh đã sinh ra có thể làm sở duyên để sinh ra ý niệm tỉnh giác.

Hỏi: Thế gian đã nghe những âm vang trong hang đá, là thật có hay là không phải thật có?

Đáp: Phái Thí Dụ nói điều này không phải là thật có. Nguyên có thế nào? Bởi vì tất cả âm thanh là tánh thuộc sát-na, ở nơi này sinh ra thì ngay nơi này diệt đi, sinh trong khoảng sát-na thì tự nhiên liền diệt đi, làm sao có thể đến những hang đá mà sinh ra âm vang? Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: Điều này là thật có, bởi vì nhĩ này đã nghe, nhĩ thức đã duyên, do Thanh xứ thâm nhiếp.

Hỏi: Âm thanh sinh ra trong sát-na thì ngay nơi này diệt đi, làm sao có thể đến những hang đá mà sinh ra âm vang?

Đáp: nhân duyên sinh ra thanh có nhiều loại lý lẽ chứ không phải là một loại lý lẽ, cho nên điều ấy không phải là khó hiểu.

Như duyên theo môi-răng-lưỡi-vòm họng-yết hầu... mà âm thanh phát ra tiếng vang, nơi ấy duyên theo âm thanh và duyên theo những hang đá mà có âm vang sinh ra, không phải là không thật có, cho nên có thể làm sở duyên mà sinh ra ý niệm hiểu biết.

